

Bản án số: 93/2019/DS-ST

Ngày: 16/5/2019

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bùi Tường Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Bà Lê Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 392/2018/TLST-DS ngày 04/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-DS ngày 04/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-DS ngày 23/4/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty V; Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà Ree Tower, số 09 đường Đ, Phường 12, Quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Anh T, sinh năm 1994 - Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 849/UQTA-VH.18 ngày 14/11/2018) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 487/47A/44/20 đường H, tổ 7, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty V (Viết tắt là VPB FC):

Ngày 07/8/2015, ông Lê Thanh T có ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng, kiêm giấy đăng ký, kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản số hiệu hồ sơ No 0427551 (Còn gọi là Hợp đồng tín dụng số 20150811-500000-0088) với Công ty V vay số tiền 21.100.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 45%/năm (3.75%/tháng) để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Lê Thanh T có trách nhiệm thanh toán số tiền 32.365.000 đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng (24 kỳ), 23 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.349.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 1.338.000 đồng, thanh toán vào ngày 11 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 11/8/2015.

Thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho Công ty V được 10 kỳ với tổng số tiền là 13.490.000 đồng. Kể từ ngày 16/6/2016 đến nay, ông T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào mặc dù Công ty V đã dùng nhiều biện pháp để nhắc nhở. Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 buộc ông T trả một lần cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ bao gồm: nợ gốc 14.480.718 đồng, nợ lãi 4.394.282 đồng. Tổng số tiền ông T phải trả cho Công ty V tính đến ngày xét xử là 18.875.000 đồng (mười tám triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, Công ty V không yêu cầu ông T phải trả tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 17/5/2019. Công ty V không có yêu cầu đối với ai khác và không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày ở trên.

Bị đơn, ông Lê Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng những quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

(vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ).

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty V về việc buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn, Công ty V khởi kiện yêu cầu bị đơn, ông Lê Thanh T trả lại số tiền đã vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn, ông Lê Thanh T có địa chỉ cư ngụ tại Quận 7 nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn, ông Lê Thanh T đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn liên tục vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

Theo kết quả xác minh của Công an phường Tân Thuận Đông, Quận 7 tại Phiếu yêu cầu xác minh số 511/2018/PYCXM ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì ông Lê Thanh T, sinh năm 1981 hiện đang cư ngụ tại 487/47A/44/20 tổ 7, khu phố 1B, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, việc ông T cố tình không đến Tòa tham gia tố tụng là đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn, ông Lê Thanh T phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn tổng số tiền còn thiếu tính từ ngày 11/7/2016 đến 11/8/2017 là 18.875.000 đồng (mười tám triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), bao gồm nợ gốc là 14.480.718 đồng (mười bốn triệu bốn trăm tám mươi ngàn bảy trăm mười tám đồng) và nợ lãi đến hạn là 4.394.282 đồng (bốn triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi hai đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150811-500000-0088 ký ngày 11 tháng 8 năm 2015 và các bảng kế hoạch trả nợ, có cơ sở xác định ông Lê Thanh T có đề nghị Công ty V cho vay và đã được chấp thuận cho vay, giải ngân số tiền 21.100.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm ngàn đồng) với lãi suất là 45%/năm, thời hạn vay là 24 tháng (24 kỳ) tính từ ngày 11/8/2015, khoản trả hàng tháng cho 23 kỳ đầu là 1.349.000 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn đồng), kỳ cuối cùng là 1.338.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn đồng) và quá trình thực hiện hợp đồng, ông T chỉ thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 13.490.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

Căn cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn” và tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” thì ông Lê Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay và tiền lãi theo thỏa thuận tại Giấy Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150811-500000-0088 ký ngày 11 tháng 8 năm 2015 được ký giữa Công ty V và ông Lê Thanh T nên việc nguyên đơn khởi kiện buộc ông T phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn lại là có cơ sở.

[4.2] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi quá hạn một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Về yêu cầu tính lãi chậm trả: Nguyên đơn, Công ty V không yêu cầu ông T phải trả tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ sau ngày xét xử, yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn, ông Lê Thanh T có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn, Công ty V, nên bị đơn, ông Lê Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn, Công ty V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn, Công ty V và bị đơn, ông Lê Thanh T.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty V.

Buộc bị đơn, ông Lê Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, Công ty V số tiền còn thiếu tính từ ngày 11/7/2016 đến ngày 11/8/2017 theo Giấy Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số 20150811-500000-0088 ký ngày 11/8/2015 là: 18.875.000 đồng (mười tám triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trong đó:

Tiền vốn gốc là: 14.480.718 đồng (mười bốn triệu bốn trăm tám mươi ngàn bảy trăm mười tám đồng).

Tiền lãi là: 4.394.282 đồng (bốn triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi hai đồng).

Ông Lê Thanh T phải trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 943.750 đồng (chín trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm năm đồng).

Hoàn trả lại Công ty V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 471.875 đồng (bốn trăm bảy mươi một ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0026270 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, Công ty V và bị đơn, ông Lê Thanh T.

Nguyên đơn, Công ty V được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, ông Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Đức).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Bùi Tường Vân